TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VỊ THANH** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số: 33/2018/DS-ST. Ngày 07 – 02 – 2018. V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Như Nguyện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Trung Dũng.

Ông Nguyễn Thanh Liêm

- Thư ký phiên toà: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Phùng Bích Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vị Thanh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 180/2017/TLST – DS, ngày 13 tháng 10 năm 2017, về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST – DS, ngày 03 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST – DS ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phan Văn T.

Địa chỉ: Khu vực 2, phường V, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Văn N. Địa chỉ: Khu vực 4, phường IV, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. (Đại diện theo văn bản ủy quyền). (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Lâm Văn B. (vắng mặt).

Bà Phan Thị T. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực 3, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Huỳnh Văn H. (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu vực 1, phường III, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện gởi Tòa án và trong quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn ông Phan Văn T do ông Bùi Văn N đại diện trình bày: Vào ngày 22/8/2017 ông Phan Văn T có cho vợ chồng ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T vay số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, ông B và bà T hẹn khoảng 20 ngày sẽ trả nhưng sau đó không thực hiện mà cố trình trốn tránh. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng ông B, bà T không thực hiện. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà T trả số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Đồng thời với việc nộp đơn khởi kiện ông Phan Văn T có đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với ông B và bà T. Tòa án đa ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, sau đó ông T yêu cầu hủy bỏ.

Tại phiên tòa, ông Bùi Văn N đại diện cho ông Phan Văn T giữ nguyên yêu cầu.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn là ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T đã được tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng đều vắng mặt, nên chưa trình bày ý kiến và đưa ra yêu cầu của mình. Tại phiên tòa bị đơn là ông B và bà T vẫn vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn H trình bày: Ông có nhận chuyển nhượng của ông B và bà T một căn nhà và phần đất tọa lạc tại khu vực 4, phường I, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Hai bên đã làm hợp đồng chuyển nhượng và đã được công chứng nhưng chưa làm thủ tục sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến ngày 13/10/2017, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để phong tỏa tài sản nêu trên là ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Ông Huỳnh Văn H có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án xem xét công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T là hợp pháp, để ông tiếp tục làm thủ tục chuyển nhượng sang tên phần đất này. Đến ngày 05/12/2017, ông Huỳnh Văn H có đơn rút yêu cầu độc lập đã gửi đến Tòa án do Tòa án đã hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với ông B và bà T.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Văn H vắng mặt không có lý do.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phan Văn T có nộp cho Tòa án biên nhận vay tiền của bị đơn ông B, bà T. Ông H có nộp cho Tòa án giấy tờ chuyển nhượng nhà đất của ông B, bà T. Ông B, bà T không có giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục theo quy định và phát biểu nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn là ông Phan Văn T đối với bị đơn là ông Lâm Văn B, bà Phan Thị T và đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn H do ông H rút yêu cầu độc lập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Văn T khởi kiện ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T cho rằng ông B, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay theo biên nhận còn nợ nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T có vay của ông Phan Văn T số tiền 200.000.000 đồng, có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, sau khi vay ông B, bà T không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi và trả vốn như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay ông T khởi kiện yêu cầu ông B, bà T trả nợ. Tòa án cũng đã tạo điều kiện cho các đương sự hòa giải để trình bày và thỏa thuận với nhau về số tiền nợ nhưng ông B và bà T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Ông B và bà T cũng không cung cấp cho Tòa án chứng cứ gì để chứng minh là không có nợ hoặc đã trả vốn, đóng lãi đầy đủ cho ông T. Căn cứ khoản 1 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định "đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Do ông B và bà T không đưa ra được chứng cứ để chứng minh là không có nợ ông T, trong khi ông T cung cấp được biên nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng có chữ ký của ông B và bà T, nên Hội đồng xét xử xác định việc khởi kiện của ông Phan Văn T là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về phần lãi suất: Ông Phan Văn T cho rằng ông B và bà T chưa đóng lãi lần nào trên số tiền vay, ông B và bà T cũng không có ý kiến và không giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ gì để chứng minh có trả lãi cho ông T nên Hội đồng xét xử xác định ông B, bà T chưa đóng lãi số tiền đã vay. Về mức lãi suất thỏa thuận trong biên nhận 2%/tháng là quá cao so với quy định pháp luật nên phải điều chỉnh lại cho phù hợp. Hơn nữa tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của ông T cũng đã tự nguyện yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Căn cứ quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Do đó Hội đồng xét xử tính lại lãi suất cho vay trong trường hợp này là 20%/năm (tức 1,66%/tháng). Cách tính như sau:

200.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 166 ngày (từ ngày 22/8/2017 đến ngày 07/02/2018) = 18.370.666 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ vốn, lãi ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T phải trả cho ông Phan Văn T là 218.370.666 đồng.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn H yêu cầu xem xét hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông B và bà T, tại phiên tòa ông H vắng mặt nhưng trước khi mở phiên tòa ông H đã có đơn rút yêu cầu độc lập gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu độc lập của ông Huỳnh Văn H. Ông H được quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật bằng một vụ án khác.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với ông Lâm Văn B, bà Phan Thị T và ông Huỳnh Văn H dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ và triệu tập đến dự phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Văn T số tiền vay còn nợ tổng cộng vốn, lãi là 218.370.666 (Hai trăm mười tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn sáu trăm sáu mươi sáu) đồng. Trong đó: Tiền vốn vay là 200.000.000 đồng; lãi là 18.370.666 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Văn H do ông H rút yêu cầu độc lập.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lâm Văn B và bà Phan Thị T phải liên đới nộp 10.918.500 (Mười triệu chín trăm mười tám nghìn năm trăm) đồng. Ông Phan Văn T được nhận lại 5.200.000 (Năm triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012498 ngày 13/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Ông Huỳnh Văn H được nhận lại 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí yêu cầu độc lập đã nộp theo biên lai thu số 0012519 ngày 19/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Ông Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lâm Văn B, bà Phan Thị T và ông Huỳnh Văn H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Như Nguyện